TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 02 tháng 6 năm 2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

1. Ông Cao Trung Kiên.

2. Bà Lưu Thị Thanh Nhâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu G, sinh năm 2001; Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện đang trú tại: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Ngô Đức C, sinh năm 1999; Trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị G vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh C vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu G trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Ngô Đức C vào ngày 05/11/2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vì vậy từ tháng 11/2022 vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện UBND xã T cung cấp như sau:

Chị Nguyễn Thị Thu G và anh Ngô Đức C đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 05/11/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng anh C có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Về con chung: Vợ chồng anh C không có con chung. Về tài sản, công nợ của vợ chồng anh C thì chính quyền địa phương không rõ vì đương sự không trình báo về vấn đề này.

Sau khi nhận được Giấy triệu tập của Tòa án, UBND xã T đã cử cán bộ đến nhà anh C để giao Giấy triệu tập, anh C đã nhận Giấy triệu tập nêu trên nhưng vì sao anh C không đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án thì chính quyền địa phương không biết, lãnh đạo UBND xã gọi điện thì anh C nói không đến làm việc.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thu G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị G theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Ngô Đức C vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu G và anh Ngô Đức C. Về con chung, tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị G phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị Thu G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị G là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Ngô Đức C nhưng anh C không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh C là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thu G kết hôn với anh Ngô Đức C vào ngày 05/11/2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, chị G và anh C chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau,

vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2022. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh C đã trở nên căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị G là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

2.3. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu G và anh Ngô Đức C.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu G nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002198 ngày 03/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị Nguyễn Thị Thu G và anh Ngô Đức C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng